

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Từ ngày 15 tháng 3 năm 2016, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 3 năm 2016 với mã số doanh nghiệp là 0100107155.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Chung	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch
Ông Lê Minh Thành	Phó Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Tiến	Thành viên
Bà Lê Thanh Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên
Bà Trần Thị Hồng Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Tổng Giám đốc
Bà Mai Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Minh Tú	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Phương Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2017



Số: 907 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, đây là kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty sau khi chính thức chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần từ ngày 15 tháng 3 năm 2016. Báo cáo tài chính này chưa bao gồm các điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến việc xác định phần vốn Nhà nước tại ngày 14 tháng 3 năm 2016 do Công ty chưa có phê duyệt cuối cùng về quyết toán cổ phần hóa của cơ quan có thẩm quyền.

Như trình bày tại Thuyết minh số 28 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số liệu so sánh là số liệu trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 14 tháng 3 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Dịch vụ Hà Nội (đơn vị được cổ phần hóa), trong đó, một số số liệu được điều chỉnh theo Kết luận của Thanh tra thuế của Cục Thuế Hà Nội. Các số liệu này được trình bày cho mục đích cung cấp thêm thông tin bổ sung, chỉ mang tính chất tham khảo và không so sánh được với số liệu kỳ hiện tại do không đồng nhất về kỳ kế toán.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	14/3/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		576.999.901.720	565.171.130.297
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	195.522.949.466	456.983.437.275
1. Tiền	111		161.522.949.466	179.183.437.275
2. Các khoản tương đương tiền	112		34.000.000.000	277.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		341.300.000.000	17.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	341.300.000.000	17.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.932.140.041	89.850.656.774
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	17.257.736.917	15.952.272.871
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	82.937.063
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	22.674.403.124	73.815.446.840
IV. Hàng tồn kho	140		244.812.213	249.364.195
1. Hàng tồn kho	141		244.812.213	249.364.195
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	1.087.672.053
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	-	1.087.672.053
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		392.944.598.354	403.036.027.782
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	803.427.618
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	-	803.427.618
II. Tài sản cố định	220		11.919.281.945	71.335.967.876
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	11.919.281.945	71.335.967.876
- Nguyên giá	222		27.064.695.677	99.963.637.538
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.145.413.732)	(28.627.669.662)
III. Bất động sản đầu tư	230	10	55.078.282.695	-
- Nguyên giá	231		72.837.123.679	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(17.758.840.984)	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		290.646.705.597	287.646.705.597
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6	285.774.104.867	285.774.104.867
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	1.872.600.730	1.872.600.730
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	3.000.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		35.300.328.117	43.249.926.691
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	35.300.328.117	43.249.926.691
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		969.944.500.074	968.207.158.079

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	14/3/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		207.679.174.329	220.207.158.079
I. Nợ ngắn hạn	310		207.679.174.329	220.207.158.079
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	2.216.584.894	2.999.805.287
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.771.582.362	2.489.832.027
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.243.706.870	962.923.256
4. Phải trả người lao động	314		5.881.383.583	2.267.475.203
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	19.534.798.390	23.516.277.815
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15	2.930.332.881	4.057.576.717
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	173.803.662.342	181.654.101.249
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		297.123.007	2.259.166.525
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		762.265.325.745	748.000.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	762.265.325.745	748.000.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		748.000.000.000	748.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		748.000.000.000	748.000.000.000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.265.325.745	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		14.265.325.745	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		969.944.500.074	968.207.158.079

Trương Thị Phượng
Người lập biểu

Vũ Thị Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Phương Mai
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 14/3/2016
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	19	142.830.155.088	24.039.735.407
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		142.830.155.088	24.039.735.407
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	20	115.691.703.449	13.498.996.574
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		27.138.451.639	10.540.738.833
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	17.451.360.204	72.586.588.218
7. Chi phí tài chính	22	23	585.211	19.556.786.986
8. Chi phí bán hàng	25	24	15.680.975.559	6.102.660.798
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	11.840.841.526	841.068.454
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		17.067.409.547	56.626.810.813
11. Thu nhập khác	31		432.051.037	82.830.000
12. Chi phí khác	32		36.892.288	126.720.920
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		395.158.749	(43.890.920)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		17.462.568.296	56.582.919.893
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	3.197.242.551	(1.563.506.114)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		14.265.325.745	58.146.426.007
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	191	-


Trương Thị Phượng
Người lập biểu


Vũ Thị Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Phương Mai
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 14/3/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.462.568.296	56.582.919.893
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.338.403.236	536.222.645
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.770.956.779)	750.811.743
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(15.642.712.764)	(72.518.158.318)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.387.301.989	(14.648.204.037)
Thay đổi các khoản phải thu	09	4.127.097.761	4.679.565.656
Thay đổi hàng tồn kho	10	4.551.982	4.307.559
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.694.533.954)	11.724.328.382
Thay đổi chi phí trả trước	12	7.949.598.574	104.097.739
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.205.711.182)	(1.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.568.305.170	264.095.299
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(327.300.000.000)	(800.000.000)
2. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	63.325.012.963	67.019.970
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(263.974.987.037)	(732.980.030)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.826.266.821)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.826.266.821)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(263.232.948.688)	(468.884.731)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	456.983.437.275	458.203.133.749
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.772.460.879	(750.811.743)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	195.522.949.466	456.983.437.275


Trương Thị Phương
Người lập biểu


Vũ Thị Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Phương Mai
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000248 ngày 20 tháng 10 năm 2005, thay đổi lần thứ 02 ngày 06 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100107155 ngày 15 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, với vốn điều lệ là 748.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 121 (ngày 15 tháng 3 năm 2016: 125).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa; kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); kinh doanh vận chuyển khách du lịch và hàng hóa; kinh doanh ăn uống, đặc sản cao cấp và bình dân (không bao gồm kinh doanh quán bar); hướng dẫn du lịch, phiên dịch; dịch vụ thông tin (trừ loại thông tin Nhà nước cấm); dịch vụ vui chơi, giải trí, xông hơi xoa bóp (không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền); kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các đối tượng trong và ngoài nước; kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp; lập dự án, đầu tư xây dựng và quản lý khu du lịch, khách sạn, khu đô thị, trung tâm thương mại dịch vụ; các loại dịch vụ khác: cho thuê hoạt động (nấu ăn, phiên dịch, lái xe); tổ chức hội nghị, hội thảo, kinh doanh hàng lưu niệm, tranh ảnh nghệ thuật, mỹ phẩm cao cấp; may đo, giặt là, cắt uốn tóc, chăm sóc sắc đẹp, trang điểm (không bao gồm các dịch vụ gây chảy máu).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh du lịch, dịch vụ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Trung tâm Lữ hành	Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Dịch vụ du lịch
2	Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 54 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ du lịch
3	Xí nghiệp Dịch vụ Du lịch	Số 98 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh ăn uống và dịch vụ khác
4	Trung tâm Dịch vụ, Đại lý vé máy bay	Số 102 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Đại lý vé máy bay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty liên doanh			
1	Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	D8 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
2	Công ty TNHH Global Toserco	Số 40 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Công ty liên kết			
1	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Số 269 Kim Mã, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty chính thức chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên sang công ty cổ phần kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Từ ngày 15/3/2016</u> <u>đến ngày 31/12/2016</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 6

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, khấu hao điều chỉnh được bắt đầu khi Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp và các khoản chi phí trả trước khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ trong thời gian 5 năm vào chi phí sản xuất kinh doanh khi Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>14/3/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	289.960.288	709.479.525
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	161.232.989.178	178.473.957.750
Các khoản tương đương tiền (*)	34.000.000.000	277.800.000.000
	<u>195.522.949.466</u>	<u>456.983.437.275</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>31/12/2016</u>		<u>14/03/2016</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
a1) Ngắn hạn				
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (*)</i>	341.300.000.000	341.300.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
a2) Dài hạn				
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (**)</i>	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,6%/năm.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tiền gửi có kỳ hạn dài hạn phản ánh khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc 18 tháng tại Ngân hàng Quốc tế Việt Nam với lãi suất 6,9%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		14/3/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
b1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty TNHH Global Toserco	209.672.714.716	-	209.672.714.716	-
Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	61.365.277.633	-	61.365.277.633	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	14.736.112.518	-	14.736.112.518	-
b2) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi	1.872.600.730	-	1.872.600.730	-
	287.646.705.597	-	287.646.705.597	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá gốc các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là giá trị đánh giá lại được phê duyệt theo Quyết định số 7189/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội và sau đó, các khoản đầu tư này được Công ty định giá lại theo hướng dẫn của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần ("Nghị định 59"), Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59 và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán và Công ty cũng chưa thu thập được các thông tin đáng tin cậy khác để xác định giá trị hợp lý, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết và các công ty nhận đầu tư khác của Công ty như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Hoạt động chính
Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	Việt Nam	50,00%	29,58%	Kinh doanh khách sạn
Công ty TNHH Global Toserco	Việt Nam	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Việt Nam	40,00%	40,00%	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi	Việt Nam	5,20%	5,20%	Kinh doanh vận tải

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	14/3/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Yamaha Việt Nam	1.489.931.103	1.914.352.173
Công ty TNHH Ericsson Việt Nam	5.947.750.600	5.910.507.775
Sở ngoại vụ TP. Hà Nội	1.816.636.800	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Song Linh	2.822.904.900	590.529.090
Các khoản phải thu khách hàng khác	5.180.513.514	7.536.883.833
	17.257.736.917	15.952.272.871

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016	14/3/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phải thu lợi nhuận được chia từ Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	16.275.182.943	66.275.182.943
Tạm ứng cho nhân viên	853.468.031	4.652.786.997
Phải thu về lãi tiền gửi	3.989.252.302	1.671.552.501
Phải thu về cổ phần hóa (i)	762.458.599	762.458.599
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	762.557.250	203.228.000
Phải thu ngắn hạn khác	31.483.999	250.237.800
	22.674.403.124	73.815.446.840
b) Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	803.427.618
	-	803.427.618

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư phải thu về cổ phần hóa phản ánh khoản chi phí của Công ty để thực hiện cổ phần hóa đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt theo Quyết định số 3287/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2016 về việc phê duyệt chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội.

C.T.I.
HÀ NỘI
17/03/2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 15/3/2016	80.730.795.895	17.096.963.577	2.000.159.364	73.900.520	61.818.182	99.963.637.538
Chuyển sang bất động sản đầu tư Thanh lý, nhượng bán	(72.837.123.679)	-	-	-	-	(72.837.123.679)
Tại ngày 31/12/2016	7.893.672.216	17.096.963.577	2.000.159.364	73.900.520	(61.818.182)	27.064.695.677
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 15/3/2016	16.854.445.424	10.273.001.286	1.386.377.889	52.026.881	61.818.182	28.627.669.662
Khấu hao trong kỳ	2.618.502.154	1.549.276.169	161.970.117	8.654.796	-	4.338.403.236
Chuyển sang bất động sản đầu tư Thanh lý, nhượng bán	(17.758.840.984)	-	-	-	-	(17.758.840.984)
Tại ngày 31/12/2016	1.714.106.594	11.822.277.455	1.548.348.006	60.681.677	(61.818.182)	15.145.413.732
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 14/3/2016	63.876.350.471	6.823.962.291	613.781.475	21.873.639	-	71.335.967.876
Tại ngày 31/12/2016	6.179.565.622	5.274.686.122	451.811.358	13.218.843	-	11.919.281.945

10. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư nguyên giá và khấu hao lũy kế của bất động sản đầu tư được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình tương ứng với diện tích cho thuê của các tòa nhà, văn phòng cho thuê thuộc sở hữu của Công ty tại thành phố Hà Nội.

M.S.N.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>14/3/2016</u>
	VND	VND
Lợi thế kinh doanh (i)	35.162.279.888	41.776.966.204
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	138.048.229	1.472.960.487
	<u>35.300.328.117</u>	<u>43.249.926.691</u>

(i) Lợi thế kinh doanh của Công ty phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 5 năm khi Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Giá trị đã được phân bổ vào chi phí trong kỳ là 6.614.686.316 VND.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>		<u>14/3/2016</u>	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	2.130.560.335	2.130.560.335	2.946.566.643	2.946.566.643
Phải trả các đối tượng khác	86.024.559	86.024.559	53.238.644	53.238.644
	<u>2.216.584.894</u>	<u>2.216.584.894</u>	<u>2.999.805.287</u>	<u>2.999.805.287</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>14/3/2016</u>	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	<u>31/12/2016</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	206.069.462	3.071.946.966	3.115.998.249	162.018.179
Thuế thu nhập cá nhân	36.478.794	321.907.539	180.556.958	177.829.375
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.087.672.053)	3.197.242.551	1.205.711.182	903.859.316
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	720.375.000	3.753.010.993	4.473.385.993	-
	<u>(124.748.797)</u>	<u>10.344.108.049</u>	<u>8.975.652.382</u>	<u>1.243.706.870</u>
Trong đó:				
<i>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</i>	1.087.672.053			-
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	962.923.256			1.243.706.870

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>14/3/2016</u>
	VND	VND
Tiền lãi phải trả cho các nhà đầu tư (i)	18.805.975.243	18.805.975.243
Chi phí phải trả về các hợp đồng du lịch	315.823.602	2.951.952.548
Chi phí sửa chữa văn phòng phải trả	-	704.591.249
Tiền thuê đất, thuê nhà phải trả	-	468.309.790
Chi phí phải trả khác	412.999.545	585.448.985
	<u>19.534.798.390</u>	<u>23.516.277.815</u>

(i) Công ty ghi nhận tiền lãi phải trả cho các nhà đầu tư theo quy định của Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh tiền cho thuê văn phòng mà Công ty chưa cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2016</u> <u>VND</u>	<u>14/3/2016</u> <u>VND</u>
Phải trả về cổ phần hóa (i)	62.792.637.479	62.792.637.479
Phải trả tiền bán cổ phần (ii)	62.104.989.627	62.058.228.223
Phải trả lợi nhuận về Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	39.675.258.755	47.501.525.576
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.078.087.823	8.843.366.885
Phải trả ngắn hạn khác	152.688.658	458.343.086
	<u>173.803.662.342</u>	<u>181.654.101.249</u>

(i) Phản ánh kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đã được phê duyệt theo Quyết định số 7189/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của UBND Thành phố Hà Nội. Sau khi Công ty ghi nhận tăng đủ số vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần hóa là 748.000.000.000 VND, phần giá trị còn lại được kết chuyển thành một khoản phải trả cổ phần hóa cho chủ sở hữu. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

(ii) Phải trả tiền bán cổ phần phản ánh số tiền Công ty thu được khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và phải trả cho chủ sở hữu số tiền thu từ việc chào bán cổ phần này. Khoản tiền thu về cổ phần hóa này sẽ được quyết toán và có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	440.549.917.937	-	184.631.671.693	-	625.181.589.630
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	58.146.426.007	58.146.426.007
Thay đổi theo Báo cáo xác định giá trị doanh nghiệp	(58.185.974)	168.225.306.021	-	-	168.167.120.047
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	17.443.927.802	(17.443.927.802)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(769.000.000)	(769.000.000)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(58.239.451)	(58.239.451)
Kết chuyển tăng vốn điều lệ	307.508.268.037	(105.432.668.542)	(202.075.599.495)	-	-
Kết chuyển phải trả về cổ phần hóa	-	(62.792.637.479)	-	-	(62.792.637.479)
Tạm trích lợi nhuận trả về Tổng Công ty	-	-	-	(39.875.258.754)	(39.875.258.754)
Số dư tại ngày 14/3/2016	748.000.000.000	-	-	-	748.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	14.265.325.745	14.265.325.745
Số dư tại ngày 31/12/2016	748.000.000.000	-	-	14.265.325.745	762.265.325.745

Cổ phiếu

	31/12/2016	14/3/2016
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	74.800.000	-
+) Cổ phiếu phổ thông	74.800.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	74.800.000	-
+) Cổ phiếu phổ thông	74.800.000	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100107155 ngày 15 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 748.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp			
	31/12/2016		14/3/2016	
	VND		VND	
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	338.030.000.000	45,2%	748.000.000.000	100%
Công ty Cổ phần phát triển TN	200.000.000.000	26,7%	-	
Các cổ đông khác	209.970.000.000	28,1%	-	
	748.000.000.000	100%	748.000.000.000	100%

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	Đơn vị	31/12/2016	14/3/2016
Đô la Mỹ	USD	3.889.832,54	3.965.309,94
Euro	EUR	310,94	320,04

19. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 14/3/2016
	VND	VND
Doanh thu cho thuê văn phòng	35.507.878.787	10.227.078.661
Doanh thu vận hành tour du lịch	85.688.906.073	10.190.001.217
Doanh thu từ đại lý vé máy bay	21.633.370.228	3.622.655.529
	142.830.155.088	24.039.735.407

20. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 14/3/2016
	VND	VND
Giá vốn cho thuê văn phòng	14.649.535.888	800.015.930
Giá vốn vận hành tour du lịch	81.760.718.635	9.554.230.916
Giá vốn từ đại lý vé máy bay	19.281.448.926	3.144.749.728
	115.691.703.449	13.498.996.574

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 14/3/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.325.084.259	227.728.585
Chi phí nhân công	14.621.572.571	3.541.915.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.338.403.236	536.222.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.041.414.174	15.617.310.166
Chi phí bằng tiền khác	6.887.046.294	519.548.825
	143.213.520.534	20.442.725.826

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 14/3/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	15.642.712.764	2.476.516.356
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	66.548.867.154
Lãi do định giá lại các khoản đầu tư tài chính	-	3.492.774.808
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.808.647.440	68.429.900
	17.451.360.204	72.586.588.218

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 14/3/2016
	VND	VND
Lãi trả cho các nhà đầu tư (xem Thuyết minh số 14)	-	18.805.975.243
Lỗ chênh lệch tỷ giá	585.211	750.811.743
	585.211	19.556.786.986

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 14/3/2016
	VND	VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	11.431.016.546	3.188.130.926
Chi phí khấu hao	415.761.633	533.578.091
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.648.114.503	2.380.951.781
Chi phí bằng tiền khác	186.082.877	-
	15.680.975.559	6.102.660.798
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	3.270.296.298	756.915.565
Chi phí mua ngoài	8.570.545.228	84.152.889
	11.840.841.526	841.068.454

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 14/3/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.462.568.296	56.582.919.893
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	295.886.892	172.747.920
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	295.886.892	172.747.920
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(1.772.242.435)	(66.548.867.154)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(66.548.867.154)
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	(1.772.242.435)	-
Thu nhập chịu thuế	15.986.212.753	(9.793.199.341)
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.197.242.551	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Kết luận của Thanh tra Thuế (*)	-	591.009.840
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động cuối cùng của Công ty (**)	-	(2.154.515.954)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.197.242.551	(1.563.506.114)

(*) Phản ánh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 14 tháng 3 năm 2016 (kỳ hoạt động cuối cùng của Công ty dưới hình thức Công ty TNHH MTV), theo Kết luận Thanh tra thuế số 3087/KL-CT-TTr1 ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Cục thuế Thành phố Hà Nội.

(**) Phản ánh chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo báo cáo thuế Công ty đã gửi Thanh tra thuế của Cục Thuế Thành phố Hà Nội.

Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 14/3/2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.265.325.745	58.146.426.007
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(769.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	14.265.325.745	57.377.426.007
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	74.800.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	191	-

Công ty quyết định trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Theo đánh giá của Công ty, việc trình bày thêm chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính của Công ty sẽ giúp người đọc báo cáo tài chính có thông tin đầy đủ hơn về hiệu quả hoạt động của Công ty.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Điều hành được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 15/3/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 14/3/2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Điều hành	1.875.349.171	465.915.605

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 14 tháng 3 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Dịch vụ Hà Nội (đơn vị được cổ phần hóa), trong đó, một số số liệu được điều chỉnh theo Kết luận của Thanh tra thuế của Cục Thuế Hà Nội như trình bày dưới đây. Các số liệu này được trình bày cho mục đích cung cấp thêm thông tin bổ sung, chỉ mang tính chất tham khảo và không so sánh được với số liệu kỳ hiện tại do không đồng nhất về kỳ kế toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh một số số liệu báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 14 tháng 3 năm 2016 theo Kết luận Thanh tra thuế số 3087/KL-CT-TTr1 ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Cục thuế Hà Nội, cho mục đích xác định nghĩa vụ đối với Nhà nước trong quá trình cổ phần hóa. Chi tiết ảnh hưởng của điều chỉnh như sau:

	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán tại ngày 14 tháng 3 năm 2016			
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.087.223.304	(1.087.223.304)	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	1.087.672.053	1.087.672.053
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.525.980.621	(1.563.057.365)	962.923.256
Phải trả ngắn hạn khác	180.090.595.135	1.563.506.114	181.654.101.249
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 14 tháng 3 năm 2016			
Chi phí khác	-	126.720.920	126.720.920
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	(1.563.506.114)	(1.563.506.114)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.709.640.813	1.436.785.194	58.146.426.007


Trương Thị Phương
 Người lập biểu


Vũ Thị Bình
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Phương Mai
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017